TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2024/HNGĐ-ST
Ngày 23-4-2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị An.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Minh
2. Ông Nguyễn Xuân Tươi

- **Thư ký phiên tòa**: ông Trần Thế Sự - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên tòa**: bà Lê Thị Hồng Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 297/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: chị Danh Thu T, sinh năm: 2001; địa chỉ: khu phố V, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang. Nơi cư trú: khu phố A, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn*: anh Lý Văn S, sinh năm: 1998; địa chỉ: ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Nơi cư trú: khu phố A, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

(*chị T, anh S có đơn xin vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện và Bản tự khai đề ngày 08-5-2023 và trong quá trình làm việc nguyên đơn chị Danh Thu T trình bày:

- Về hôn nhân: chị và anh Lý Văn S tự nguyện tổ chức lễ cưới với nhau vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Ngày cưới bên chồng cho 01 đôi bông tai, 01 chiếc lắc, 01 sợi dây chuyền, nhẫn cưới, số vàng này vợ chồng tự chia nhau lúc ly thân xong. Cưới xong vợ chồng sống thuê nhà trọ sống tại A, A, T, vợ chồng đi làm công nhân. Vợ chồng sống đến tháng 01 năm 2023 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh S không chịu đi làm, mà thường

xuyên ăn chơi, rượu chè, cờ bạc, chị khuyên nhưng anh không nghe, còn la lối chửi mắn đuổi chị đi, vợ chồng hay lời qua tiếng lại cãi vã nhau, cuộc sống không hạnh phúc, nên chị bỏ về nhà cha mẹ ruột ở, vợ chồng sống ly thân từ tháng 01 năm 2023. Thời gian này chị gọi nhưng anh S không nghe, cũng không gọi lại, gia đình hai bên không giải quyết. Do vợ chồng không còn tình cảm, cũng không thể tiếp tục sống chung được nữa, nên chị xin ly hôn với anh S.

- Về con chung: có 01 con tên Lý Văn Đ, sinh ngày 26-7-2020, hiện anh S đang nuôi, chị yêu cầu giao cho anh S nuôi con, chị không cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: không có, chị không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có, chị không yêu cầu giải quyết. Ngày 08-4-2024 chị có đơn xin giải quyết vắng mặt, do bận đi làm. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04-4-2024, bị đơn anh Lý Văn S trình bày: anh và chị Danh Thu T tự nguyện tổ chức lễ cưới với nhau vào năm 2019, có đăng ký kết hôn. Cưới xong vợ chồng thuê nhà trọ ở đi làm công nhân tại khu Công nghiệp T. Vợ chồng sống đến tháng 01 năm 2023 xảy ra mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, nên thường xuyên cãi vã gây gổ nhau, vợ bỏ đi, vợ chồng sống ly thân từ tháng 01 năm 2023. Thời gian này vợ chồng không gặp nhau bàn việc đoàn tụ. Nay vợ xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

- Về con chung: có 01 con tên Lý Văn Đ, sinh ngày 26-7-2020, hiện anh đang nuôi, anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có, anh không yêu cầu giải quyết. Ngày 04-4-2024 anh có đơn xin giải quyết vắng mặt, do bận đi làm. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Chị T và anh S có yêu cầu xin giải quyết vắng mặt, có lý do nên xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Danh Thu T đối với anh Lý Văn S; về con chung: giao cháu Lý Văn Đ, sinh ngày 26-7-2020 cho anh S tiếp tục nuôi. Ghi nhận anh S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: chị T, anh S không yêu cầu nên không giải quyết; về nợ chung: không có nên không giải quyết. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: chị T và anh S có đơn xin vắng mặt có lý do, nên xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: chị T, anh S tự nguyện tổ chức lễ cưới với nhau vào năm 2019, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và không còn quan hệ tình cảm với nhau từ đầu năm 2023.

Xét thấy, do anh chị sống không phù hợp, bất đồng quan điểm, nên hay cãi vã gây gổ nhau và sống ly thân từ đầu năm 2023. Theo chị T là do anh S không chịu đi làm, mà thường xuyên ăn chơi, rượu chè, cờ bạc, chị khuyên nhưng anh không nghe, còn la lối chửi mắn đuổi chị đi, vợ chồng hay lời qua tiếng lại cãi vã nhau, cuộc sống không hạnh phúc, nên chị bỏ đi và xin ly hôn. Anh S cho rằng vợ chồng sống bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, nên thường xuyên cãi vã gây gổ nhau, vợ bỏ đi ly hôn với anh, nên anh đồng ý ly hôn. Cả hai anh chị xin vắng mặt không tham gia tố tụng tại Toà án, tức là anh chị không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chứng tỏ mâu thuẫn của anh chị đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được, anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2023, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh S là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: có 01 cháu Lý Văn Đ, sinh ngày 26-7-2020 hiện anh S đang nuôi. Chị T yêu cầu giao cho anh S nuôi, chị không cấp dưỡng, anh S yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy, anh S đã nuôi con ổn định, yêu cầu về nuôi con chung của anh chị là tự nguyện. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, nghỉ nên chấp nhận yêu cầu anh chị, giao cháu Đ cho anh S được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với nguyện vọng của anh chị và phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân gia đình. Ghi nhận anh S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về tài sản chung*: chị T, anh S không yêu cầu, nên không giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: chị T, anh S khai không có, nên không giải quyết.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tại phiên toà là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] *Về án phí sơ thẩm ly hôn*: chị T chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Danh Thu T đối với anh Lý Văn S. Chị T được ly hôn với anh S.

2. *Về con chung*: giao cháu Lý Văn Đ, sinh ngày 26-7-2020 cho anh Lý Văn S được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận anh S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Chị Danh Thu T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung*: chị T, anh S không yêu cầu, nên không giải quyết.

4. *Về nợ chung*: chị T, anh S khai không có, nên không giải quyết.

5. *Về án phí*: chị Danh Thu T chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0027602 ngày 09-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng. Chị T nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"*Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự*"./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND xã Vĩnh Phú Tây, Phước Long, Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị An